

**CÔNG TY CỔ PHẦN MOCCA ARCHITECTS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN MOCCA ARCHITECTS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MOCCA ARCHITECS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MOCCA ARC.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107354442

**3. Ngày thành lập:** 15/03/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 9 ngõ An Trạch 1, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 04 6272 2828

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                 | 4719        |
| 2.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                               | 4752        |
| 3.  | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                        | 4753        |
| 4.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 5.  | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                   | 4771        |
| 6.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                              | 4100        |
| 7.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                         | 4290        |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                              | 4321        |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                     | 4329        |
| 10. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                     | 4330(Chính) |
| 11. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                | 4390        |
| 12. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                 | 4649        |
| 13. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                           | 4773        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: Bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động ..;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4799 |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8299 |
| 16. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Môi giới bất động sản<br>- Đấu giá bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6820 |
| 17. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế quy hoạch xây dựng<br>- Thiết kế xây dựng công trình:<br>+ Thiết kế kiến trúc công trình<br>+ Thiết kế nội - ngoại thất công trình, thiết kế cảnh quan<br>+ Thiết kế kết cấu công trình<br>+ Thiết kế cơ điện công trình<br>+ Thiết kế điện công trình<br>+ Thiết kế cấp - thoát nước<br>+ Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt<br>+ Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng<br>+ Thiết kế phòng cháy - chữa cháy<br>- Giám sát thi công xây dựng:<br>+ Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện<br>+ Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình<br>+ Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ<br>+ Khảo sát địa hình<br>+ Khảo sát địa chất công trình<br>+ Khảo sát địa chất thủy văn<br>- Quản lý dự án đầu tư xây dựng<br>- Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình<br>- Quản lý thi công xây dựng công trình bao gồm:<br>+ Quản lý chất lượng xây dựng công trình<br>+ Quản lý tiến độ thi công xây dựng công trình<br>+ Quản lý khối lượng thi công xây dựng công trình<br>+ Quản lý chi phí đầu tư xây dựng trong quá trình thi công xây dựng<br>+ Quản lý hợp đồng xây dựng | 7110 |
| 18. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7310 |
| 19. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7410 |

|     |                                                                                                                                              |                                                                     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 20. | (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật) | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ ĐIỆP | Số 9, ngõ An Trạch 1, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông | 50.000     | 500.000.000           | 25,000    | 011660410                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 50.000     | 500.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | KHÚC THỊ KHUY   | Thôn Ất, Phường Hạp Lĩnh, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 50,000    | 125779578                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN THẾ HUY  | Số 9, ngõ An Trạch 1, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông | 50.000     | 500.000.000           | 25,000    | 012020172                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 50.000     | 500.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: KHÚC THỊ KHUY

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *21/07/1979*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *125779578*

Ngày cấp: *15/07/2013*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Bắc Ninh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Át, Phường Hạp Lĩnh, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 9 ngõ 54 Âu Cơ, Phường Tứ Liên, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*